

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Số: 786/2025/QĐST - HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thạnh, ngày 28 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 0822/2025/TLST- VHNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Nguyên đơn: Ông **Hồ Minh N**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Số 55/42C đường D, khu phố H, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Số 129/3 đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hồ Tấn Đ, sinh năm 1997

2/ Ông Hồ Tấn P, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Số 129/33 đường X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: ông Trần Chính N1 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 180/65 đường X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N: ông Nguyễn Văn T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: Số 86/5 đường H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Hồ Minh N và bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyền số 01 ngày 17 tháng 8 năm 2007. Trong thời gian chung sống, đôi bên đã không còn quan tâm và yêu thương nhau, quá trình chung sống không còn hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, khả năng hàn gắn là không thể nên hai bên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: 02 con chung là Hồ Tấn Đ sinh ngày 29/5/1997 và Hồ Tấn P sinh ngày 01/11/1999, các con đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông Hồ Minh N và bà Nguyễn Thị H thống nhất thừa đất 151 tờ bản đồ số 19 xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi do ông Hồ Minh N đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 207152 ngày 31/8/2018 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp, sổ vào sổ cấp GCN: CS12586 là tài sản chung vợ chồng. Đôi bên thống nhất giá trị thừa đất này là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Ông N và bà H sở hữu 50% giá trị đất. Do bà H không có nhu cầu sử dụng đất nên ông N sẽ thanh toán cho bà H 50% giá trị đất là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng để ông N được toàn quyền sử dụng thừa đất này. Thời hạn thanh toán là 20/5/2028.

Khi ông N đã thanh toán đủ số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng cho bà H thì thừa đất 151 tờ bản đồ số 19 xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi do ông Hồ Minh N đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 207152 ngày 31/8/2018 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp, sổ vào sổ cấp GCN: CS12586 là tài sản riêng của ông Hồ Minh N.

[4] Về nợ chung: Hiện tại, đôi bên không còn nợ chung. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân, ông Hồ Minh N và bà Nguyễn Thị H có vay của Ngân hàng TMCP S – chi nhánh G theo Hợp đồng tín dụng số LD1623500425 ngày 22/8/2016 số tiền vốn là 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng). Đôi bên đã cùng góp theo định kỳ đến tháng 10/2019. Từ tháng 11/2019, ông N đã không thực

hiện góp tiếp. Ngày 01/9/2023, bà H đã tự tất toán hợp đồng vay này với số tiền 425.298.703 (Bốn trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm lẻ ba). Do đó, ông N đồng ý thanh toán lại 50% số tiền vốn và lãi mà bà H đã tự tất toán tương đương 212.649.352 (Hai trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm năm mươi hai) đồng. Số tiền 212.649.352 (Hai trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm năm mươi hai), ông N thanh toán cho bà H trong hạn 03 năm, hạn cuối là ngày 20/5/2028.

Đôi bên không còn khoản nợ chung nào khác trong thời kỳ hôn nhân.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn*: là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, ông Hồ Minh N tự nguyện nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0027756 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N còn được hoàn lại phần chênh lệch là 150.000 ((Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung: ông N và bà H, mỗi người phải chịu là 8.750.000 (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Số tiền án phí bà H phải nộp được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu số 0087963 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành. Bà H còn được hoàn lại phần chênh lệch là 27.250.000 (Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ là 5.316.234 (Năm triệu ba trăm mười sáu ngàn hai trăm ba mươi bốn) đồng, ông N phải nộp. Bà H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.320.000 (Năm triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0053438 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

Xét thấy: Ông Hồ Minh N và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Minh N và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: 02 con chung là Hồ Tấn Đ sinh ngày 29/5/1997 và Hồ Tấn P sinh ngày 01/11/1999, các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Minh N và bà Nguyễn Thị H thống nhất thừa đất 151 tờ bản đồ số 19 xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi do ông Hồ Minh N đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 207152 ngày 31/8/2018 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp, số vào sổ cấp GCN: CS12586 là tài sản chung vợ chồng. Đôi bên thống nhất giá trị thừa đất này là 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng. Ông N và bà H sở hữu 50% giá trị đất. Do bà H không có nhu cầu sử dụng đất nên ông N sẽ thanh toán cho bà H 50% giá trị đất là 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng để ông N được toàn quyền sử dụng thừa đất này. Thời hạn thanh toán là 20/5/2028.

Khi ông N đã thanh toán đủ số tiền 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng cho bà H thì thừa đất 151 tờ bản đồ số 19 xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi do ông Hồ Minh N đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 207152 ngày 31/8/2018 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp, số vào sổ cấp GCN: CS12586 là tài sản riêng của ông Hồ Minh N.

- Về nợ chung: Hiện tại, đôi bên không còn nợ chung. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân, ông Hồ Minh N và bà Nguyễn Thị H có vay của Ngân hàng TMCP S – chi nhánh G theo Hợp đồng tín dụng số LD1623500425 ngày 22/8/2016 số tiền vốn là 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng). Đôi bên đã cùng góp theo định kỳ đến tháng 10/2019. Từ tháng 11/2019, ông N đã không thực hiện góp tiếp. Ngày 01/9/2023, bà H đã tự tắt toán hợp đồng vay này với số tiền 425.298.703 (Bốn trăm hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm lẻ ba). Do đó, ông N đồng ý thanh toán lại 50% số tiền vốn và lãi mà bà H đã tự tắt toán tương đương 212.649.352 (Hai trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm năm mươi hai) đồng. Số tiền 212.649.352 (Hai trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm năm mươi hai), ông N thanh toán cho bà H trong hạn 03 năm, hạn cuối là ngày

20/5/2028.

Đôi bên không còn khoản nợ chung nào khác trong thời kỳ hôn nhân.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn:* là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, ông Hồ Minh N tự nguyện nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0027756 ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N còn được hoàn lại phần chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung: ông N và bà H, mỗi người phải chịu là 8.750.000 (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Số tiền án phí bà H phải nộp được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 36.000.000 (Ba mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu số 0087963 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành. Bà H còn được hoàn lại phần chênh lệch là 27.250.000 (Hai mươi bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả nợ là 5.316.234 (Năm triệu ba trăm mười sáu ngàn hai trăm ba mươi bốn) đồng, ông N phải nộp. Bà H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.320.000 (Năm triệu ba trăm hai mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số 0053438 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh Thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THA Dân sự Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thanh Thảo